

Bản án số: 12/2026/DS-ST

Ngày: 09/01/2026

“V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trước

Ông Trần Thanh Khen

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký TAND Khu vực 1 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2025/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 590/2025/QĐST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2025 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Huỳnh Văn H - chức vụ: Giám đốc (xin vắng mặt)

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Võ Long H1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2025, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N (sau đây gọi tắt là Công ty) có người đại diện là anh Huỳnh Văn H - chức vụ: Giám đốc trình bày:

Ngày 10/7/2024 Công ty Trách nhiệm hữu hạn N và anh Lê Võ Long H1 có ký Biên bản thỏa thuận lao động số 03/BBTT/NAHIVI-2024 về việc làm Đại lý phân phối hóa mỹ phẩm thương hiệu T tại tỉnh Vĩnh Long do Công ty N là đại diện phân phối tại Miền T. Trong thời gian làm việc từ ngày 10/7/2024 đến ngày 20/9/2024 anh H1 đã thực hiện 04 giao dịch nhập hàng như sau:

Theo Phiếu xuất kho số P XK-01-250624 ngày 25/6/2024 Công ty xuất kho bộ sản phẩm mẫu trị giá 1.176.500 đồng để anh H1 làm sản phẩm mẫu tiếp thị đến khách hàng với điều kiện làm việc từ 03 tháng trở lên sẽ được cấp miễn phí, làm việc dưới 3 tháng phải thanh toán lại giá trị bộ mẫu cho Công ty;

Theo Phiếu xuất kho số P XK-02-290624 ngày 29/6/2024 Công ty xuất kho hàng cho anh H1 với trị giá 1.525.120 đồng;

Theo Phiếu xuất kho số P XK-03-110724 ngày 11/7/2024 Công ty xuất kho hàng cho anh H1 với trị giá 27.652.265 đồng;

Theo Phiếu xuất kho số P XK-04-180724 ngày 18/8/2024, Công ty xuất kho cho anh Hải sản P trị giá 10.656.000 đồng, cùng với xác nhận công nợ của P XK-02-290624 và P XK-03-110724 với tổng giá trị công nợ là 39.833.745 đồng.

Ngày 22/8/2024 Công ty thu hồi hàng hóa tồn kho tại kho anh H1 theo Phiếu hoàn kho số P HK-01-220824 với giá trị thu hồi là 3.870.000 đồng kèm theo xác nhận công nợ của Phiếu xuất kho số 02,03,04 với tổng giá trị còn nợ sau khi trừ hoàn kho là 35.963.745 đồng

Sau hơn 01 tháng làm việc nhưng anh H1 không thực hiện theo đúng biên bản thỏa thuận về việc thanh toán tiền hàng nên ngày 20/9/2024 Công ty ra Quyết định số 09-QĐ-BGĐ về việc dừng hợp tác với anh H1 tại thị trường tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 10/10/2024 Công ty thu hồi hàng hóa tồn kho tại kho anh H1 lần thứ hai theo Phiếu hoàn kho số P HK-02-101024 với giá trị thu hồi là 12.541.500 đồng, khấu trừ vào tổng công nợ của phiếu hoàn kho số P HK-01-220824, còn lại tổng công nợ là 23.422.245 đồng. Do anh H1 làm việc chưa đủ 03 tháng kể từ ngày 10/7/2024 đến ngày 20/9/2024 nên anh H1 phải thanh toán giá trị bộ sản phẩm mẫu cho Công ty là 1.176.500 đồng. Như vậy tổng cộng anh H1 còn nợ Công ty số tiền là 24.598.745 đồng. Kể từ khi chấm dứt hợp đồng đến nay anh H1 trốn tránh không chịu thanh toán nợ cho Công ty.

Nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Võ Long H1 trả cho Công ty số tiền nợ là 24.598.745 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 7%/năm, tạm tính từ ngày 20/9/2024 đến ngày 19/8/2025 là 1.569.392 đồng, tổng số tiền anh H1 phải thanh toán cho Công ty là 26.168.137 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 24/9/2025 Công ty N có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Công ty không yêu cầu anh H1 phải thanh toán cho Công ty số tiền mua hàng còn thiếu là 1.176.500 đồng, không yêu cầu anh H1 phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 7%/năm đối với số tiền mua bán hàng hóa còn thiếu.

- Bị đơn anh Lê Võ Long H1 đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2025 bị đơn anh Lê Võ Long H1 trình bày: Anh H1 có mua bán hàng hóa nhiều lần với Công ty N, chốt nợ số tiền hàng hóa còn nợ Công ty là 23.422.245 đồng, không phải là 24.598.745 đồng như phía Công ty trình bày. Anh H1 đồng ý trả cho Công ty số tiền nợ là 23.422.245 đồng nhưng xin gia hạn thời gian trả nợ, không đồng ý trả lãi vì đây là số tiền mua bán hàng hóa, không phải là vay mượn.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn do anh Huỳnh Văn H đại diện có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Võ Long H1 vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 92, 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N yêu cầu anh H1 thanh toán giá trị bộ sản phẩm mẫu với số tiền 1.176.500 đồng và thanh toán tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N. Buộc anh Lê Võ Long H1 có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N số tiền mua bán hàng hóa là 23.422.245 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Võ Long H1 phải chịu số tiền 1.171.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua bán hàng hóa nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Lê Võ Long H1 có địa chỉ tại phường L, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân Khu vực;

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Công ty TNHH N do anh Huỳnh Văn H đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Lê Võ Long H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N yêu cầu anh Lê Võ Long H1 trả cho Công ty số tiền mua bán hàng hóa là 23.422.245 đồng:

Công ty TNHH N có cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là các Phiếu xuất kho, phiếu hoàn kho và tin nhắn giữa anh Huỳnh Văn H là giám đốc Công ty với số điện thoại cho là của anh Lê Võ Long H1.

Xét, Tại Biên bản thỏa thuận số 03/BBTT/NAHIVI-2024 xác định anh Lê Võ Long H1 là đại lý đại diện Công ty TNHH N mua và phân phối các danh mục sản phẩm được gắn thương hiệu sản phẩm của Công ty đang kinh doanh thể hiện qua các Phiếu xuất Kho, Phiếu hoàn kho giữa anh H1 và Công ty. Do khoảng cách địa lý xa nên các giấy tờ được gửi cho anh H1 qua đường bưu điện và được xác nhận qua tin nhắn zalo, do đó các giấy tờ đính kèm không có chữ ký của anh H1. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2025 anh H1 trực tiếp thừa nhận anh có lấy hàng hóa của Công ty TNHH N và còn nợ Công ty số tiền là 23.422.245 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của

Bộ Luật tố tụng dân sự. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu anh H1 phải thanh toán số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 440 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh H1 phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH N số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 23.422.245 đồng.

[2.2] Về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh H1 thanh toán giá trị bộ sản phẩm mẫu với số tiền là 1.176.500 đồng và không yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 7%/năm đối với bị đơn. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh H1 phải chịu án phí là 23.422.245 đồng x 5% = 1.171.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân Khu vực.

Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N về việc yêu cầu anh Lê Võ Long H1 thanh toán giá trị bộ sản phẩm mẫu với số tiền 1.176.500 đồng và thanh toán tiền lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

Buộc anh Lê Võ Long H1 có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N số tiền nợ mua bán hàng hóa là 23.422.245 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Buộc anh Lê Võ Long H1 phải chịu 1.171.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 644.000 đồng (sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008103 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKS KV1: 02;
- Phòng THADS KV 1-Vĩnh Long: 02;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết

